TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH MIỆN
TỈNH HẢI DƯƠNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 36/2019/HS-ST
Ngày: 26-8-2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH MIỆN, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Bùi Xuân Thành.
Các Hội thẩm nhân dân: Bà Bùi Thị Chi, ông Đào Đình Phúc.
- Thư ký phiên toà: Ông Đào Quang Khuyến - Thư ký Toà án nhân dân huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương tham gia phiên toà: Bà Phạm Thị Xuê - Kiểm sát viên VKSND huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương.

Ngày 26 tháng 8 năm 2019 tại Hội trường Toà án nhân dân huyện Thanh Miện, mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 33/2019/TLST-HS ngày 19 tháng 7 năm 2019, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 34/2019/HSST-QĐ ngày 12 tháng 8 năm 2019 đối với các bị cáo:

1/ Họ và tên: Lê Văn M - Sinh năm: 1968; Nơi đăng ký HKTT: Thôn TL, xã N, huyện T, tỉnh H; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ học vấn: 03/10; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không. Con ông Lê Văn D, đã chết. Con bà Khương Thị K, đã chết; Gia đình có 7 anh chị em; M là con thứ năm; Vợ: Vũ Thị P, sinh năm 1972; Có 3 con, con lớn nhất sinh năm 1998, con nhỏ nhất sinh năm 2013. Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 04/05/2019 đến ngày 07/5/2019 được tại ngoại; hiện đang bị áp dụng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú, *có mặt tại phiên toà.*

2/ Nguyễn Văn L (*tên gọi khác là Nguyễn Văn S***) -** Sinh năm: 1976; Nơi đăng ký HKTT: Thôn L, xã N, huyện T, tỉnh H; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 07/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không. Con ông: Nguyễn Văn N, đã chết. Con bà Vũ Thị K, sinh năm 1934; Gia đình có 3 anh em; L là thứ nhất; Vợ: Đoàn Thị H, sinh năm 1977; Có 2 con, con lớn sinh năm 1999, con bé sinh năm 2001. Tiền án, tiền sự: Không.
Bị cáo bị áp dụng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú, *có mặt tại phiên toà*

3/ Trần Văn S - Sinh năm: 1979. HKTT: Thôn L, xã N, huyện T, tỉnh H; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 9/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Con ông Trần Văn H, Đã chết; con bà Giang Thị T, Đã chết; Gia đình có 8 anh chị em; S là thứ bảy; Vợ: Nguyễn Thuý M, sinh năm 1991; Có 5 con, con lớn nhất sinh năm 2006, con nhỏ nhất sinh năm 2019. Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị áp dụng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú, *có mặt tại phiên toà.*

4/ Khương Đình Đ - Sinh năm: 1997. HKTT: Thôn TL, xã N, huyện T, tỉnh H; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 9/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Con ông Khương Đình Q, sinh năm 1970; con bà Vũ Thị T, sinh năm 1975; Gia đình có 2 anh chị em; Đ là thứ nhất; Vợ: Đoàn Thị H, sinh năm 1996; Có 1 con sinh năm 2019. Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị áp dụng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú, *có mặt tại phiên toà.*

5/ Nguyễn Văn C - Sinh năm 1989. HKTT: Thôn L, xã N, huyện T, tỉnh H; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 12/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Con ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1964; con bà Bùi Thị M, sinh năm 1966; Gia đình có 03 anh em; C là thứ hai; Vợ: Phạm Thị T, sinh năm 1991; Có 2 con, con lớn sinh năm 2012, con bé sinh năm 2014.
Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 04/05/2019 đến ngày 07/05/2019 được tại ngoại; hiện đang bị áp dụng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú, *có mặt tại phiên toà*.

6/ Nguyễn Đức H - Sinh năm: 1983; Nơi đăng ký HKTT: Thôn L, xã N, huyện T, tỉnh H; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn:12/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Con ông Nguyễn Đức S, sinh năm 1950. Con bà Đoàn Thị H, sinh năm 1956; Gia đình có 3 chị em; H là thứ ba; Vợ: Nguyễn Thị T, sinh năm 1990. Có 02 con, con lớn sinh năm 2011; con bé sinh năm 2015. Tiền án, tiền sự: Không.
Bị cáo bị áp dụng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú, *có mặt tại phiên toà*.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên toà, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 15 giờ 00 ngày 04/05/2019, Khương Đình Đ, Nguyễn Văn C, Lê Văn Đ1, Lê Văn M, Nguyễn Đức H đến nhà Trần Văn S ở thôn L, xã N, huyện T chơi, một lúc sau, M đi về. Khi đang ngồi chơi, có người nói "góp gà hai mươi nghìn đi", ý rủ mọi người đánh bạc sát phạt bằng tiền dưới hình thức đánh "liêng". Mọi người đồng ý. Sau đó có người nói "đi ra nghĩa trang chơi". H và Đ1 đi trước ra nghĩa trang thôn L, xã N; S, C, Đ đi sau. Trên đường đi, S và C vào nhà Nguyễn Văn L ở cùng thôn, S lấy 03 bao dứa, C lấy 01 bao dứa trong vườn nhà L. Đ đi mua 01 bộ tú lơ khơ 52 quân. Sau đó tất cả mang ra khu vực nghĩa trang thôn L. S và C trải bao dứa ra nền bê tông và cùng Đ, Đ1 và H ngồi xuống, Đ chia bài. Tất cả thống nhất đánh bạc được thua bằng tiền dưới hình thức đánh "Liêng", góp gà 20.000đ, tố cao nhất không quy định. Một lúc sau L và M đến cùng tham gia đánh bạc. Đến khoảng 17 giờ 00 cùng ngày, bị lực lượng Cảnh sát điều tra Công an huyện Thanh Miện phát hiện bắt quả tang thu giữ trên chiếu bạc số tiền 4.440.000đ; 04 vỏ bao dứa cũ, 01 bộ bài tú lơ khơ 52 quân; thu trên người các đối tượng: Nguyễn Văn C số tiền 9.050.000đ, Lê Văn M số tiền 3.000.000đ. Quá trình bắt giữ, lợi dụng sơ hở Trần Văn S, Nguyễn Đức H, Nguyễn Văn L, Khương Đình Đ bỏ trốn, đến ngày 05/05/2019, Cơ quan điều tra Công an huyện Thanh Miện đã triệu tập S, H, L, Đ lên làm việc. Tại cơ quan điều tra S, H, L, Đ đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội.

Quá trình điều tra xác định số tiền các bị cáo sử dụng vào việc đánh bạc như sau: M mang theo 3.040.000đ sử dụng hết vào việc đánh bạc, khi bị bắt M còn

3.000.000đ; C mang theo 9.850.000đ, sử dụng 800.000đ vào việc đánh bạc, khi bị bắt C còn 9.050.000đ; Đ1 mang theo 800.000đ sử dụng hết vào việc đánh bạc; L mang theo số tiền 750.000đ, sử dụng hết vào việc đánh bạc; S mang theo 700.000đ, sử dụng hết vào việc đánh bạc; Đ mang theo số tiền 700.000đ, sử dụng hết vào việc đánh bạc; H mang theo 650.000đ, sử dụng hết vào việc đánh bạc. Tổng số tiền các bị cáo sử dụng để đánh bạc là 7.440.000đ.

Tại Cáo trạng số 33/VKS-HS ngày 18/7/2019, Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Miện truy tố các bị cáo Nguyễn Văn C, Lê Văn M, Khương Đình Đ, Nguyễn Văn L, Nguyễn Đức H, Trần Văn S về tội "Đánh bạc" theo khoản 1 điều 321 Bộ luật hình sự.

Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Miện phát biểu quan điểm luận tội giữ nguyên Quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo Nguyễn Văn C, Lê Văn M, Khương Đình Đ, Nguyễn Văn L, Nguyễn Đức H, Trần Văn S phạm tội "Đánh bạc".

Áp dụng khoản 1 điều 321, điều 17, 58, điểm s, i khoản 1 điều 51 BLHS với sáu bị cáo, (khoản 2 điều 51 BLHS với bị cáo M, H, L), điều 65 BLHS với các bị cáo M, L, điều 36 BLHS với các bị cáo S, Đ, điều 35 BLHS với các bị cáo C, H.

Xử phạt Lê Văn M, Nguyễn Văn L mỗi bị cáo từ 06 đến 08 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 12 đến 16 tháng tính từ ngày tuyên án.

Xử phạt Trần Văn S, Khương Đình Đ mỗi bị cáo từ 08 đến 10 tháng cải tạo không giam giữ, thời hạn chấp hành hình phạt tính từ ngày UBND xã N nhận được Quyết định thi hành án và bản sao bản án. Khấu trừ từ 10 - 15% thu nhập/tháng trong thời gian chấp hành án để sung ngân sách nhà nước.

Phạt tiền Nguyễn Văn C, Nguyễn Đức H mỗi bị cáo từ 20.000.000đ đến 25.000.000đ sung ngân sách nhà nước.

Giao các bị cáo M, L về cho UBND xã N giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Giao bị cáo S, Đ về cho UBND xã N giám sát, giáo dục trong thời gian chấp hành án. Trường hợp người chấp hành án thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 điều 69 của Luật thi hành án hình sự.

Về hình phạt bổ sung: Các bị cáo có nhân thân tốt, hoàn cảnh gia đình khó khăn nên không áp dụng hình phạt bổ sung với các bị cáo.

Về vật chứng: Áp dụng điểm a, b khoản 1 điều 47 BLHS, khoản 2, khoản 3 điều 106 BLTTHS, tịch thu cho tiêu huỷ bộ tú lơ khơ có 52 quân, 04 bao dứa cũ, tịch thu sung ngân sách nhà nước 7.440.000đ. Trả lại bị cáo C 9.050.000đ nhưng tiếp tục quản lý để đảm bảo thi hành án.

Về án phí: Các bị cáo M, L, C, S, Đ, H mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Tại lời nói sau cùng, các bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra công an huyện Thanh Miện, Viện kiểm sát nhân dân huyện, Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về

hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên toà phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, biên bản bắt người phạm tội quả tang, lời khai của người làm chứng, vật chứng thu giữ và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án nên có đủ cơ sở xác định: Hồi 15 giờ 30 phút ngày 04/5/2019, tại nghĩa trang thôn L , xã N, huyện T, các bị cáo Lê Văn M, Nguyễn Văn L, Lê Văn Đ1, Trần Văn S, Khương Đình Đ, Nguyễn Văn C, Nguyễn Đức H đánh bạc trái phép được thua bằng tiền dưới hình tức đánh "Liêng", đến khoảng 17 giờ cùng ngày bị Cảnh sát điều tra Công an huyện Thanh Miện bắt quả tang, thu giữ vật chứng và số tiền 7.440.000đ sử dụng vào việc đánh bạc.

[3]. Hành vi các bị cáo thực hiện là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm khách thể là trật tự công cộng, gây mất trật tự trị an. Các bị cáo có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức việc đánh bạc là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện. Hành vi của các bị cáo đã có đủ yếu tố cấu thành tội "Đánh bạc" quy định tại khoản 1 điều 321 BLHS là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[4]. Tuy vụ án có nhiều bị cáo tham gia đánh bạc nhưng các bị cáo không hứa hẹn trước mà do có quan hệ quen biết cùng thôn, xã đến nhà Sơn ngồi chơi uống nước sau đó mới phát sinh hành vi đánh bạc và đi ra nghĩa trang thôn L , xã N để đánh bạc, không có sự tổ chức, cấu kết chặt chẽ nên chỉ là đồng phạm giản đơn, vì vậy cần đánh giá rõ vị trí, vai trò, tính chất mức độ, hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ của mỗi bị cáo để có đường lối xử lý cho phù hợp và đảm bảo tính nghiêm minh của pháp luật.

Các bị cáo không xác định được ai là người đề xuất việc đánh bạc, còn C, S rẽ vào nhà L lấy bao dứa, Đ mua tú lơ khơ và khi ngồi đánh bạc là người chia bài đầu tiên. M, L tuy là người vào sau nhưng đều tham gia tích cực. Khi lực lượng cảnh sát điều tra bắt giữ, S, H, L, Đ sợ bỏ chạy sau đó công an huyện triệu tập đã chấp hành. Quá trình điều tra xác định M sử dụng số tiền 3.040.000đ vào việc đánh bạc, L sử dụng 750.000đ, S 700.000đ, Đ 700.000đ, C 800.000đ, H 650.000đ sử dụng đánh bạc vì vậy bị cáo M, L tuy vào sau nhưng M sử dụng số tiền nhiều nhất, L sử dụng số tiền 750.000đ và tham gia tích cực, nhân thân trước đây từng đã bị xét xử có vai trò cao hơn các bị cáo còn lại, bị cáo S, Đ bỏ trốn nên hai bị cáo có vai trò tiếp theo, bị cáo C khi bị bắt không bỏ trốn, H sử dụng số tiền ít nhất có vai trò sau cùng.

Các bị cáo không có tiền án, tiền sự, không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, lần đầu phạm tội, quá trình khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải hành vi đã phạm, tổng số tiền đánh bạc chỉ trên mức khởi điểm nên đều được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s, i khoản 1 điều 51 BLHS.

Bị cáo M có bố đẻ là ông Lê Văn D được tặng Huân chương kháng chiến hạng Nhất, bị cáo H có bố đẻ là ông Nguyễn Đức S được tặng Huân chương kháng chiến Hạng Ba, Huân chương Chiến sỹ giải phóng hạng Nhì, bị cáo L có bố đẻ là ông Nguyễn Văn N được tặng Huân chương kháng chiến hạng Ba được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 điều 51 BLHS.

[5]. Xét các bị cáo nhất thời phạm tội, có nơi cư trú rõ ràng, số tiền đánh bạc chỉ trên mức khởi điểm, có nhiều tình tiết giảm nhẹ, phạm tội ít nghiêm trọng nên

không buộc các bị cáo phải chấp hành hình phạt tù có thời hạn mà áp dụng các hình phạt khác cũng đảm bảo việc giáo dục các bị cáo thành công dân có ích cho xã hội, Hội đồng xét xử áp dụng hình phạt tù cho hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách đối với bị cáo M, bị cáo L quy định tại điều 65 BLHS; phạt cải tạo không giam giữ và khấu trừ một phần thu nhập đối với bị cáo S, Đ theo quy định tại điều 36 BLHS; phạt tiền đối với bị cáo C, H theo quy định tại điều 35 BLHS.

Giao bị cáo M, L về cho UBND xã N, huyện T, giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trong thời gian thử thách nếu bị cáo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án Hình sự 02 lần trở lên thì Toà án có thể buộc phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Giao bị cáo S, Đ về cho UBND xã N, huyện T giám sát, giáo dục trong thời gian chấp hành án.

Trường hợp người chấp hành án thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 điều 69 của Luật thi hành án hình sự.

[6]. *Về hình phạt bổ sung*: Các bị cáo có nhân thân tốt, số tiền đánh bạc không lớn, hoàn cảnh gia đình khó khăn nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền với các bị cáo.

[7]. *Về vật chứng*: Thu giữ 04 bao dứa cũ, 01 bộ tú lơ khơ 52 quân dùng vào việc phạm tội tịch thu cho tiêu huỷ. Thu giữ số tiền 7.440.000đ các bị cáo sử dụng vào việc phạm tội tịch thu sung ngân sách nhà nước, trả lại bị cáo C số tiền 9.050.000đ không sử dụng vào việc đánh bạc nhưng tiếp tục quản lý để đảm bảo thi hành án theo quy định tại điểm a, b khoản 1 điều 47 BLHS, khoản 2, khoản 3 điều 106 BLTTHS.

[8]. *Về án phí*: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Đối với Lê Văn Đ1 bỏ trốn, cơ quan Cảnh sát điều tra công an huyện Thanh Miện đã có Quyết định truy nã và quyết định tách vụ án hình sự, khi nào bắt được sẽ xử lý sau là phù hợp.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

1/ Tuyên bố: Các bị cáo Lê Văn M, Nguyễn Văn L, Trần Văn S, Khương Đình Đ, Nguyễn Văn C, Nguyễn Đức H phạm tội "Đánh bạc".

Áp dụng khoản 1 điều 321, điều 17, 58, điểm s, i khoản 1 điều 51 BLHS với sáu bị cáo; (khoản 2 điều 51 BLHS với bị cáo M, L, H); Điều 65 BLHS với các bị cáo M, L; Điều 36 BLHS với các bị cáo S, Đ; Điều 35 BLHS với các bị cáo C, H.

+ *Xử phạt* Lê Văn M **07** (Bảy) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 14 tháng tính từ ngày tuyên án 26/8/2019.

+ *Xử phạt* Nguyễn Văn L **(***tên gọi khác là Nguyễn Văn S***) 06** (Sáu) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 tháng tính từ ngày tuyên án 26/8/2019.

+ *Xử phạt* Trần Văn S, Khương Đình Đ mỗi bị cáo 08 tháng cải tạo không giam giữ, thời hạn chấp hành hình phạt tính từ ngày UBND xã N nhận được Quyết định thi hành án và bản sao bản án. Khấu trừ mỗi bị cáo 10% thu nhập/tháng trong thời gian chấp hành án để sung ngân sách nhà nước.

+ *Phạt tiền* bị cáo Nguyễn Văn C, Nguyễn Đức H mỗi bị cáo 22.000.000đ (*Hai mươi hai triệu đồng*) sung ngân sách nhà nước. Các bị cáo phải nộp tiền phạt một lần sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Giao các bị cáo M, L về cho UBND xã N, huyện T, tỉnh H giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách, gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp cùng chính

quyền địa phương giám sát, giáo dục bị cáo. *Trong thời gian thử thách nếu bị cáo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án Hình sự 02 lần trở lên thì Toà án có thể buộc phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.*

Giao bị cáo S, Đ về cho UBND xã N, huyện T, tỉnh H giám sát, giáo dục trong thời gian chấp hành án.

Trường hợp người chấp hành án thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 điều 69 của Luật thi hành án hình sự.

2/ Về vật chứng: Áp dụng điểm a, b khoản 1 điều 47 BLHS, khoản 2, khoản 3 điều 106 BLTTHS, tịch thu cho tiêu huỷ bộ tú lơ khơ có 52 quân, 04 bao dứa cũ, tịch thu sung ngân sách nhà nước 7.440.000đ (*Bảy triệu bốn trăm bốn mười ngàn đồng*). Trả lại bị cáo C số tiền 9.050.000đ không sử dụng vào việc đánh bạc nhưng tiếp tục quản lý để đảm bảo thi hành án.

(*Theo Biên bản giao nhận vật chứng ngày 26/7/2019 giữa Công an huyện Thanh Miện và Chi cục thi hành án dân sự huyện Thanh Miện).*

***3/ Về án phí*:** Áp dụng điều 136 BLTTHS năm 2015, Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25-11-2015, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, các bị cáo Lê Văn M, Nguyễn Văn L, Trần Văn S, Khương Đình Đ, Nguyễn Văn C, Nguyễn Đức H mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

4/ Quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331, Điều 333 BLTTHS năm 2015; Các bị cáo Lê Văn M, Nguyễn Văn L, Trần Văn S, Khương Đình Đ, Nguyễn Văn C, Nguyễn Đức H có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Bùi Xuân Thành

Nơi nhận :
- *VKSND huyện Thanh Miện;*
- *CQCSĐT Công an Thanh Miện;*
- *Chi cục THADS huyện Thanh Miện;*
- *Viện kiểm sát ND tỉnh Hải Dương,*
- *Những người tham gia tố tụng;*
- *Sở Tư Pháp tỉnh Hải Dương.*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*